

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh năm 1984; (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quang Đ, sinh năm 1978; (Vắng mặt lần hai)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Vũ Thị D trình bày: Chị và anh Lê Quang Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q (nay là xã T), huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh Đ thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị có khuyên bảo nhiều lần, cũng như nhiều lần giúp anh Đ trả nợ cờ bạc để tu chí làm ăn nhưng anh Đ vẫn không bỏ cờ bạc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ cuối tháng 02/2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không có biện pháp gì cải thiện được nữa nên khởi kiện xin ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Lê Quang Đ1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Quang V, sinh ngày 05/10/2013. Sau khi ly hôn, chị đề

ngợi giao cả hai con chung là Lê Quang Đ1 và Lê Quang V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Lê Quang Đ phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Lê Quang Đ trình bày: Về điều kiện kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân như chị D trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để chị D rút đơn khởi kiện xin ly hôn về vợ chồng đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị D trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung là Lê Quang V, sinh ngày 05/10/2013, chị D nuôi con chung là Lê Quang Đ1.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương xã Tcung cấp: Chị D và anh Đ kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 18/10/2005, quá trình chung sống chị D và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị D đã trả nợ cho anh Đ nhiều lần, nhưng anh Đ vẫn tiếp tục chơi cờ bạc và nợ nần. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị D đã bỏ về nhà đẻ ở Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị D khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị D, anh Đ ly hôn do hai bên đã ly thân từ lâu. Vợ chồng chị D, anh Đ có hai con chung Lê Quang Đ1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Quang V, sinh ngày 05/10/2013, hiện nay, cả hai con chung đang do chị D nuôi dưỡng. Chị D có công việc ổn định còn anh Đ thường xuyên nợ nần, không có điều kiện nuôi con nên đề nghị Tòa án giao cháu Đ1 và cháu V cho chị D nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Tại phiên Tòa: Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ; giao con chung là Lê Quang Đ1 và Lê Quang V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Vũ Thị D. Xử cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Lê Quang Đ; giao con chung là Lê Quang Đ1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Quang V, sinh ngày 05/10/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh Lê Quang Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Đ đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh chỉ có mặt ghi bản tự khai vào ngày 29/5/2020 còn lại đều vắng mặt không có lý do; chị D đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh Đ vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị D và anh Lê Quang Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Q (nay là T), huyện Ninh Giang nơi sinh sống của anh Đ, chị D tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị D và anh Đ là hợp pháp.

[3] Chị D khởi kiện xin ly hôn, anh Đ biết rõ việc chị D khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh chỉ đến Tòa án làm việc ghi bản tự khai vào ngày 29/5/2020, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2019 đến nay nhưng anh không có biện pháp gì cải thiện mối quan hệ vợ chồng, anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn song tại lời khai của chị D bản tự khai của anh Đ, biên bản xác minh ngày 04/8/2020 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, anh Đ chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị D đã trả nợ cho anh Đ nhiều lần, nhưng anh Đ vẫn tiếp tục chơi cờ bạc và nợ nần. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính anh Đ là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị D, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D ly hôn anh Đ.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị D và anh Đ có hai con chung là Lê Quang Đ1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Quang V, sinh ngày 05/10/2013. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao hai con chung là Lê Quang Đ1 và Lê Quang V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con; HĐXX thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai của cháu Đ1, cháu V đều có nguyện vọng ở với chị D. Mặt khác, anh Đ vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là anh tự tước đi quyền của mình; Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao hai con chung Lê Quang Đ1 và Lê Quang V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản:* Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Vũ Thị D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Lê Quang Đ.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Vũ Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Lê Quang Đ1, sinh ngày 05/11/2007 và Lê Quang V, sinh ngày 05/10/2013 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị D về việc không yêu cầu anh Lê Quang Đ phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Quang Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009223, ngày 27 tháng 5 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Vũ Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/9/2020; anh Lê Quang Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã T, huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long